

3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

3.1. Phần Lịch sử

3.1.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học

Ngày nay, dạy học phát triển phẩm chất, năng lực đang trở nên phổ biến trên thế giới. Khuynh hướng dạy học này hướng tới việc dạy như thế nào để hình thành phẩm chất, năng lực của học sinh chứ không phải là dạy nội dung kiến thức gì. Dạy học hiện đại nói chung và bộ môn Lịch sử nói riêng đặt ra hàng loạt các yêu cầu đối với các thành tố của hoạt động dạy học, đặc biệt là phương pháp dạy học (PPDH) phát triển phẩm chất, năng lực cho người học.

PPDH lịch sử theo hướng phát triển năng lực chú trọng đa dạng hoá các hình thức tổ chức hoạt động dạy học, giúp học sinh tự tìm hiểu, tự khám phá tri thức; chú trọng rèn luyện cho học sinh biết cách sử dụng sách giáo khoa và các tài liệu học tập, biết cách suy luận để tìm tòi và phát hiện kiến thức mới; tăng cường phối hợp tự học với học tập, thảo luận theo nhóm, đóng vai, dự án, kết hợp việc dạy học trên lớp với các hoạt động xã hội. PPDH mới khuyến khích học sinh trải nghiệm, sáng tạo trên cơ sở giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn cho học sinh tìm kiếm và thu thập thông tin, gợi mở giải quyết vấn đề, tạo cho học sinh có điều kiện thực hành, tiếp xúc với thực tiễn, học cách phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.

Đối với phân môn Lịch sử, hình thức dạy học chú trọng lối kể chuyện, dẫn chuyện lịch sử, giáo viên giúp cho học sinh làm quen với lịch sử địa phương, lịch sử dân tộc, lịch sử khu vực và thế giới qua các câu chuyện lịch sử; tạo cơ sở để học sinh bước đầu nhận thức về khái niệm thời gian, không gian, đọc hiểu các nguồn sử liệu đơn giản về sự kiện, nhân vật lịch sử. Yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học phân môn Lịch sử nhằm phát triển phẩm chất, năng lực là phải lựa chọn, sử dụng các PPDH:

- Đảm bảo tính cơ bản, thiết thực, hiện đại.

- Đảm bảo tính tích cực của người học khi tham gia vào hoạt động học tập.
- Rèn luyện cho học sinh phương pháp học, hình thành kĩ năng tự học, kĩ năng nghiên cứu khoa học; bồi dưỡng hứng thú và lòng say mê học tập.
- Phát huy tính tích cực, độc lập nhận thức; phát triển tư duy sáng tạo ở học sinh như dạy học khám phá, dạy học giải quyết vấn đề, phương pháp trò chơi,...
- Hình thành và phát triển kĩ năng thực hành; phát triển khả năng giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống như phương pháp thực hành, phương pháp thực nghiệm...

Chiều hướng lựa chọn và sử dụng các PPDH mới, tiên tiến nhằm phát triển phẩm chất, năng lực không tách rời nhau mà bổ sung cho nhau trong quá trình phát triển phẩm chất/năng lực người học. Do đó, không quan trọng việc các PPDH thuộc về chiều hướng này hay chiều hướng kia mà quan trọng là việc lựa chọn được các PPDH phù hợp với khả năng của học sinh, của GV; tính chất của hoạt động cụ thể trong kế hoạch dạy học, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, địa phương nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra.

So sánh dạy học tiếp cận nội dung và dạy học phát triển PC, NL

Tiêu chí	Dạy học tiếp cận nội dung	Dạy học phát triển PC, NL
Về mục tiêu dạy học	<ul style="list-style-type: none"> – Chú trọng hình thành kiến thức, kĩ năng, thái độ khá rõ. – Mục tiêu học để thi, học để hiểu biết được ưu tiên. 	<ul style="list-style-type: none"> – Chú trọng hình thành PC và NL. – Lấy mục tiêu học để làm, học để cùng chung sống làm trọng.
Về nội dung dạy học	<ul style="list-style-type: none"> – Nội dung được lựa chọn dựa trên hệ thống tri thức khoa học chuyên ngành là chủ yếu. – Nội dung được quy định khá chi tiết trong chương trình. – Chú trọng hệ thống kiến thức lí thuyết, sự phát triển tuần tự của khái niệm, định luật, học thuyết khoa học. – Sách giáo khoa được trình bày liền mạch thành hệ thống kiến thức. 	<ul style="list-style-type: none"> – Nội dung được lựa chọn dựa trên yêu cầu cần đạt được về PC, NL. – Chỉ xác lập các cơ sở để lựa chọn nội dung trong chương trình. – Chú trọng nhiều hơn đến các kĩ năng thực hành, vận dụng lí thuyết vào thực tiễn. – Sách giáo khoa không trình bày hệ thống kiến thức mà phân nhánh và khai thác các chuỗi chủ đề để gợi mở tri thức, kĩ năng.

<p>Về phương pháp dạy học</p>	<ul style="list-style-type: none"> – GV chủ yếu là người truyền thụ tri thức; học sinh lắng nghe, tham gia và thực hiện các yêu cầu tiếp thu tri thức được quy định sẵn. Khá nhiều GV sử dụng các PPDH (thuyết trình, hướng dẫn thực hành, trực quan...). Việc sử dụng PPDH theo định hướng của GV là chủ yếu. – Khá nhiều học sinh tiếp học sinh thụ thiếu tính chủ động, HS chưa có nhiều điều kiện, cơ hội tìm tòi, khám phá vì kiến thức thường được quy định sẵn. – Kế hoạch dạy học thường được thiết kế tuyến tính, các nội dung và hoạt động dùng chung cho cả lớp; PPDH, KTDH để có sự lặp lại, quen thuộc. 	<ul style="list-style-type: none"> – GV là người tổ chức các hoạt động, hướng dẫn học sinh tự tìm tòi, chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kĩ năng; chú trọng phát triển khả năng giải quyết vấn đề, khả năng giao tiếp,... GV sử dụng nhiều PPDH, KTDH tích cực (giải quyết vấn đề, hợp tác, khám phá,...) phù hợp với yêu cầu cần đạt về PC và NL của người học. – Học sinh chủ động tham gia hoạt động, có nhiều cơ hội được bày tỏ ý kiến, tham gia phản biện, tìm kiếm tri thức, kĩ năng. – Kế hoạch dạy học thường được thiết kế tuyến tính, các nội dung và hoạt động dùng chung cho cả lớp; PPDH, KTDH để có sự lặp lại, quen thuộc. dựa vào trình độ và NL của học sinh; PPDH, KTDH đa dạng, phong phú, được lựa chọn dựa trên các cơ sở khác nhau để triển khai kế hoạch dạy học.
<p>Về môi trường học tập</p>	<p>GV thường ở vị trí phía trên, trung tâm lớp học và các dãy bàn ít được bố trí theo nhiều hình thức khác nhau.</p>	<p>Môi trường học tập có tính linh hoạt, phù hợp với các hoạt động học tập của học sinh, chú trọng yêu cầu cần phát triển ở học sinh để đa dạng hoá hình thức bàn ghế, bố trí phương tiện dạy học.</p>
<p>Về đánh giá</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Tiêu chí đánh giá chủ yếu được xây dựng dựa trên sự ghi nhớ nội dung đã học, chưa quan tâm nhiều đến khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. – Quá trình đánh giá chủ yếu do GV thực hiện. 	<ul style="list-style-type: none"> – Tiêu chí đánh giá dựa vào kết quả “đầu ra”, quan tâm tới sự tiến bộ của người học, chú trọng khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, các PC và NL cần có. – Người học được tự đánh giá và được tham gia vào đánh giá lẫn nhau,...
<p>Về sản phẩm giáo dục</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Người học chủ yếu tái hiện các tri thức, phải ghi nhớ phụ thuộc vào tài liệu và sách giáo khoa có sẵn. – Việc chú ý đến khả năng ứng dụng chưa nhiều nên yêu cầu về tính năng động, sáng tạo vẫn còn hạn chế. 	<ul style="list-style-type: none"> – Người học vận dụng được tri thức, kĩ năng vào thực tiễn, khả năng tìm tòi trong quá trình dạy học đã được phát huy nên NL ứng dụng cũng có cơ hội phát triển. – Chú ý đến khả năng ứng dụng nhiều nên sự năng động, tự tin ở học sinh biểu hiện rõ.

3.1.2. Một số phương pháp dạy học cơ bản

1. GV tổ chức hoạt động học cho học sinh	Lựa chọn các PPDH, KTDH và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực phù hợp, hấp dẫn.
	Thiết kế, tổ chức chuỗi hoạt động học để học sinh chủ động tham gia và thực hiện các nhiệm vụ học tập khám phá vấn đề, hoạt động luyện tập và hoạt động thực hành.
	Xác định rõ các yếu tố: mục tiêu hoạt động, nội dung hoạt động, sản phẩm học tập, cách thức tiến hành, phương án kiểm tra đánh giá mức độ đạt được mục tiêu của học sinh.
	Khả năng theo dõi, quan sát, phát hiện kịp thời những khó khăn của học sinh.
	Mức độ phù hợp, hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ và khuyến khích học sinh hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
	Mức độ hiệu quả hoạt động của GV khi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động của học sinh.
2. Hoạt động của học sinh	Khả năng tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả học sinh trong lớp.
	Biết cách xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng năng lực tự học, giúp cho học sinh có thể chủ động học tập suốt đời, học tập để khẳng định phẩm chất, năng lực và để cống hiến.
	Mức độ tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác của học sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập, chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp học tập, nghiên cứu.
	Mức độ tham gia tích cực của học sinh trong trình bày, trao đổi, thảo luận về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập, phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác.
Mức độ đúng đắn, chính xác, phù hợp của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.	

3.1.2.1. Dạy học hợp tác

Sử dụng dạy học hợp tác trong dạy học Lịch sử không chỉ giúp phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác, tự học, tự chủ cho học sinh mà còn tạo cơ hội để hình thành và phát triển năng lực lịch sử cho học sinh.

Khi sử dụng dạy học hợp tác, GV cần lưu ý:

– Dạy học hợp tác nên dùng để tổ chức những nhiệm vụ học tập phức tạp, đòi hỏi phải huy động kiến thức, kinh nghiệm của nhiều HS hoặc là một vấn đề mà học sinh cần tranh luận, thảo luận. Nhiệm vụ học tập GV đưa ra cho học sinh phải đủ độ khó để học sinh suy nghĩ, hợp tác, thảo luận giải quyết nhiệm vụ. Nếu nhiệm vụ quá dễ sẽ làm cho hoạt động nhóm nhàm chán và chỉ mang tính hình thức.

– Trong dạy học hợp tác, khi giao nhiệm vụ cho học sinh, GV cần giải thích, hướng dẫn rõ ràng để đảm bảo các nhóm hiểu đúng nhiệm vụ cần thực hiện. Nhiệm vụ được giao phải phù hợp và cần huy động sự tham gia của cả nhóm, tạo sự tương tác giữa các thành viên.

– Cách đánh giá trong dạy học hợp tác phải cụ thể, rõ ràng, làm sao vừa ghi nhận được sự cố gắng của mỗi cá nhân trong nhóm, vừa thấy được sự đóng góp, ảnh hưởng mỗi thành viên trong kết quả chung của nhóm.

– Các mức độ của dạy học hợp tác:

+ Mức độ cộng tác: GV vẫn giữ quyền kiểm soát tiến trình dạy học và nội dung dạy học. Các nhóm học tập được tổ chức để hoàn thành những nhiệm vụ học tập mà GV đề ra, tìm kiếm câu trả lời cho những đáp án mà GV đã định trước.

+ Mức độ hợp tác: GV trao quyền chủ động cho học sinh, học sinh được tham gia và quyết định cách thức, tiến trình học tập. GV chỉ là người hỗ trợ, hướng dẫn khi cần thiết.

– Trong phân môn Lịch sử, dạy học hợp tác có thể thực hiện ở một số hình thức như sau: thảo luận nhóm, seminar, tranh luận, đóng vai. Trong đó, thảo luận nhóm được xem là hình thức cơ bản và đơn giản nhất trong dạy học hợp tác. Để hoạt động nhóm diễn ra hiệu quả, GV cần lưu ý: (1) Chia nhóm vừa đủ nhỏ (4–5 thành viên/ nhóm) để có thể hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian ngắn và đảm bảo mọi thành viên đều có thể đóng góp ý kiến; (2) Thời gian thảo luận đủ dài để các thành viên được trình bày ý kiến; (3) Nội dung thảo luận nên chọn lọc để đảm bảo cần đến sự trao đổi, hợp tác của nhiều người; (4) Không gian thảo luận cần đảm bảo cho các thành viên có thể nhìn và nghe thấy nhau; (5) Nhiệm vụ của mỗi thành viên cần rõ ràng để tránh ỷ lại vào thành viên khác. Ở mức độ cộng tác, HS được giao sẵn chủ đề nội dung thảo luận; ở mức độ hợp tác, HS tự đề xuất vấn đề thảo luận và tiến hành thảo luận.

*** Ví dụ minh họa:**

Nhiệm vụ: Phân biệt cách thức lao động của Người tối cổ và Người tinh khôn.

– *Bước 1:* GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho học sinh: Cho học sinh xem 6 bức hình sau (GV phải in ra mỗi nhóm 6 bức ảnh trong trang 26 SGK bài 4). Phát 6 bức tranh vẽ cho mỗi nhóm. Yêu cầu học sinh kết hợp với các thông tin có trong bài 4: Xã hội nguyên thủy để sắp xếp các hình vẽ theo hai chủ đề: Cách thức lao động của Người tối cổ và Cách thức lao động của Người tinh khôn. Đề nghị mỗi nhóm chia làm hai: một nửa trong vai Người tối cổ và một nửa trong vai Người tinh khôn.

– *Bước 2:* Học sinh làm việc nhóm trả lời câu hỏi vào phiếu học tập, chuẩn bị báo cáo kết quả trước lớp; xác định nội dung, cách trình bày kết quả.

– *Bước 3:* GV yêu cầu một nhóm lên trình bày kết quả. Đại diện Người tối cổ dán ba bức vẽ lên bảng và đại diện Người tinh khôn dán ba bức vẽ còn lại. Các nhóm khác

lắng nghe, nhận xét, bổ sung theo kĩ thuật “321” (3 lời khen dành cho đội bạn, 2 điều muốn góp ý thêm và 1 câu hỏi liên quan đến sản phẩm báo cáo).

– *Bước 4:* GV nhận xét, chốt lại kiến thức cơ bản.

Ví dụ minh hoạ trên được áp dụng trong bài 4: Xã hội nguyên thủy, thực hiện theo yêu cầu cần đạt: Trình bày được những nét chính về đời sống của con người thời nguyên thủy.

Thông qua việc vận dụng PPDH hợp tác trong ví dụ trên, học sinh sẽ hình thành được thành phần năng lực *tim hiểu lịch sử* (cụ thể là khai thác và sử dụng được tư liệu lịch sử trong quá trình học tập; nhận biết và khai thác được những thông tin có trong 6 bức vẽ minh hoạ); năng lực *nhận thức và tư duy lịch sử* (biết kết hợp kiến thức có trong bài học và phán đoán. Lập luận dựa trên hình ảnh, đưa ra được những ý kiến nhận xét về sự khác nhau và sự tiến triển trong cách thức lao động của người nguyên thủy).

3.1.2.2. Dạy học giải quyết vấn đề

– Dạy học giải quyết vấn đề không phải là một PPDH cụ thể, mà là nguyên tắc chỉ đạo cho việc sử dụng nhiều PPDH khác nhau, được lồng ghép và vận dụng ở mọi khâu trong quá trình dạy học. Trong phân môn Lịch sử, dạy học giải quyết vấn đề có thể áp dụng cho cả hình thức dạy học nội khóa, ngoại khóa và dạy học trải nghiệm. Khi tham gia giải quyết vấn đề, HS có cơ hội để phát triển những năng lực chung như năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tự chủ và tự học nếu các em tự lực tham gia và lập kế hoạch giải quyết vấn đề. Bên cạnh đó, trong quá trình tham gia giải quyết vấn đề của môn Lịch sử, HS sẽ được phát triển các thành phần năng lực lịch sử đó là: tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử.

– Dạy học giải quyết vấn đề sử dụng trong trường hợp yêu cầu HS nhận thức một cách sâu sắc, hệ thống những chủ đề, vấn đề lịch sử nhằm phát triển phẩm chất, năng lực cho HS. Dạy học giải quyết vấn đề đòi hỏi cả GV và HS phải có nhiều thời gian hơn so với các PPDH thông thường.

– GV cần có những hiểu biết sâu sắc và thuần thục các nguyên tắc của dạy học giải quyết vấn đề, cũng như việc vận dụng phối hợp các PPDH tích cực trong dạy học nhằm tổ chức, hướng dẫn HS giải quyết các vấn đề, nhiệm vụ học tập.

– Khi vận dụng dạy học giải quyết vấn đề trong dạy học lịch sử, GV cần chú ý lựa chọn mức độ cho phù hợp với trình độ nhận thức của HS và nội dung cụ thể của mỗi chủ đề (bài học). Các mức độ của dạy học giải quyết vấn đề gồm có: mức 1– GV nêu và giải quyết vấn đề; mức 2– GV nêu vấn đề, đưa ra giải pháp và gợi ý HS rút ra kết luận; mức độ 3– GV nêu vấn đề và gợi ý HS tìm cách giải quyết vấn đề; mức 4– GV cung cấp thông tin, HS tự phát hiện vấn đề, tự lực giải quyết và rút ra kết luận.

*** Ví dụ minh họa:** Áp dụng dạy học giải quyết vấn đề đối với YCCĐ “Trình bày được những tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập cổ đại”.

– *Bước 1: Định hướng*

GV đưa người học vào tình huống có vấn đề, tình huống có vấn đề ở đây là những dòng thơ bắt đầu trong một bài ca cổ có từ thiên niên kỉ III TCN ở Ai Cập cổ đại “Vinh danh thay người, sông Nile vĩ đại! Người đến từ đất và mang đến sự sống cho Ai Cập”. Tình huống có vấn đề cũng có thể bắt đầu bằng nhận định của nhà sử học Hérodote: “Ai Cập là tặng phẩm của sông Nile.” GV đặt vấn đề bằng việc giới thiệu về vị trí của Ai Cập cổ đại trên lược đồ. Sau đó, GV đặt ra vấn đề cho các nhóm HS giải quyết thông qua câu hỏi: *Em có đồng tình với nhận định trên không? (hay bài thơ cổ trên)*; Theo em “Điều kiện địa lí tự nhiên tác động như thế nào đến sự hình thành và phát triển của Ai Cập thời cổ đại?”.

– *Bước 2: Lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề*

Đề xuất giả thuyết giải quyết vấn đề. GV sẽ đưa ra hai giả thuyết để HS nghiên cứu và giải quyết vấn đề:

+ Giả thuyết thứ nhất: Điều kiện tự nhiên, cụ thể là sông Nile thực tế có tác động ít đến sự hình thành văn minh Ai Cập cổ đại.

+ Giả thuyết thứ hai: Điều kiện tự nhiên, cụ thể là sông Nile tác động lớn đến sự hình thành và phát triển của Ai Cập thời cổ đại như tài liệu cổ ghi lại.

Lập kế hoạch để giải quyết vấn đề theo giả thuyết đã đặt ra. HS được chia làm 2 nhóm lớn để nghiên cứu về hai giả thuyết để tìm câu trả lời cho vấn đề đặt ra. HS thảo luận để xây dựng kế hoạch giải quyết vấn đề đặt ra. GV có thể cung cấp một vài gợi ý về cách tiếp cận từng giả thuyết thông qua hình ảnh trực quan lược đồ 6.1 (lược đồ lược đồ Ai Cập cổ đại; những vùng quần cư, những trung tâm vương quốc dọc hai bên sông giữa vùng sa mạc mênh mông,...); sơ đồ 6.2 (mực nước trên sông Nile theo mùa, ảnh hưởng đối với sản xuất nông nghiệp,...); hình 6.3 (di chuyển trên sông Nile, giấy papyrus, lượng thủy sản trên sông,...) và tài liệu tham khảo. GV sử dụng PPDH hợp tác kết hợp kĩ thuật công não và kĩ thuật khăn phủ bàn để tổ chức hoạt động giải quyết vấn đề cho HS.

– *Bước 3: Kiểm tra, đánh giá và kết luận*

Các nhóm trình bày kết quả nghiên cứu, đưa ra lí lẽ để lập luận cho giả thuyết của nhóm mình. GV ghi nhận tất cả những ý kiến.

Kết thúc quá trình thảo luận, tranh luận, GV cung cấp thông tin, kiến thức để lí giải điều kiện tự nhiên, đặc biệt sông Nile đã có tác động lớn đến kinh tế, chính trị, xã hội Ai Cập cổ đại, là tiền đề cho sự phát triển của nền văn minh Ai Cập.

Ví dụ trên có thể áp dụng trong bài số 6: Ai Cập cổ đại, thực hiện theo yêu cầu cần đạt: Kết quả đạt được sau khi triển khai phương pháp giải quyết vấn đề:

+ *Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử*: giải mã lược đồ Ai Cập cổ đại – điều kiện tự nhiên, các trung tâm chính của lịch sử Ai Cập cổ đại, các khu đền tháp quan trọng; giải mã hình 6.2 – để hiểu rõ sông Nile tác động thế nào đến đời sống sản xuất nông nghiệp của người dân; giải mã hình 6.3 để hiểu khái niệm thuyền xuôi dòng trên sông Nile, tạo hình ảnh trong trí nhớ học sinh về giữa một vùng sa mạc mênh mông, có một dòng sông mang đến phù sa, thủy sản, cây papyrus,... Những điều kiện thuận lợi cho một nền văn minh biệt lập.

+ *Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử*

Từ việc cho HS quan sát bản đồ của Ai Cập cổ đại, GV hướng sự chú ý của các em vào sông Nile chảy giữa một vùng sa mạc mênh mông. Đặt vấn đề để học sinh thảo luận: Ai Cập nhận nước từ đâu? Sau đó giúp học sinh hiểu khái niệm Thượng Ai Cập (nằm trên vùng đất cao hơn) và Hạ Ai Cập (vùng đất thấp hơn, sát với biển).

Gợi ý trả lời: nguồn nước thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, nguồn lương thực thủy sản, tuyến đường giao thông chủ yếu.

3.1.2.3. Dạy học trực quan

PPDH trực quan là phương pháp dùng các phương tiện trực quan làm công cụ để giáo viên tác động vào nhận thức ban đầu của học sinh, mang cảm tính và trực giác nhiều hơn là tư duy, suy luận, nhưng hết sức quan trọng đối với phân môn Lịch sử.

Phương tiện, đồ dùng trực quan trong phân môn Lịch sử được chia thành 3 nhóm, mỗi nhóm gồm nhiều loại. Cụ thể là nhóm đồ dùng trực quan hiện vật (di tích lịch sử, di chỉ khảo cổ, các di vật lịch sử như công cụ sản xuất, vũ khí,...), nhóm đồ dùng trực quan tạo hình (vật phục chế, tranh ảnh, mô hình, sa bàn, phim, video,...), nhóm đồ dùng trực quan quy ước (bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, niên biểu,...).

PPDH trực quan trong dạy học Lịch sử được sử dụng nhằm tạo cảm hứng học tập, khơi dậy, tăng cường khả năng hoạt động của các giác quan, giúp HS có các biểu tượng lịch sử để phục dựng “bức tranh” của quá khứ, góp phần phát triển thành phần năng lực tìm hiểu lịch sử. Trên cơ sở đó tạo điều kiện cho GV hướng dẫn các em đi sâu tìm hiểu bản chất của các sự kiện, quá trình lịch sử, góp phần phát triển thành phần năng lực “nhận thức và tư duy” lịch sử.

*** Ví dụ minh họa: Sử dụng sơ đồ 9.4, bài Trung Quốc, trang 49 như sau:**

– *Bước 1*: GV xác định mục đích sử dụng tài liệu phù hợp với YCCĐ (mô tả được sơ lược quá trình thống nhất Trung Quốc và bước đầu xác lập chế độ phong kiến Trung Quốc); giải quyết một vấn đề khó (phức tạp với học sinh lớp 6) và khó diễn tả bằng lời (quá trình thống nhất không chỉ đơn giản là quá trình thống nhất lãnh thổ).

– *Bước 2:* GV giao nhiệm vụ học tập cho HS: Quan sát tư liệu 9.4 mô tả những gì em nhìn thấy trong tư liệu. (HS có thể trả lời phiếu học tập hoặc thảo luận hay thuyết trình nhóm...). Những thông tin lịch sử rút ra từ sơ đồ.

– *Bước 3:* GV tổ chức cho học sinh trình bày kết quả.

– *Bước 4:* GV nhận xét đánh giá (Lưu ý: sơ đồ nên hình ảnh mang tính tượng trưng, không mô tả vật thật. Tuy nhiên, hình ảnh, nhân vật thì phải được vẽ minh hoạ dựa trên tư liệu lịch sử).

3.1.2.4. Phương pháp dạy học dự án

Tùy vào thực tiễn địa phương, điều kiện học tập và năng lực học sinh, GV thiết kế nội dung và quy mô dự án phù hợp.

*** Ví dụ minh họa:**

– Mục tiêu dự án: HS nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập (Yêu cầu cần đạt của bài Ai Cập cổ đại).

– Tên dự án: Cuộc thi tìm hiểu về văn hoá Ai Cập cổ đại.

– Nhiệm vụ của học sinh: tổ chức một cuộc thi tìm hiểu về đất nước Ai Cập cổ đại

– Phân chia nhiệm vụ của các nhóm:

+ Nhóm 1: xây dựng kịch bản cuộc thi và công tác chuẩn bị cho cuộc thi, công cụ và giải thưởng.

+ Nhóm 2 và nhóm 3: chuẩn bị bộ câu hỏi về cuộc thi dưới 2 dạng trắc nghiệm và tự luận. Nội dung câu hỏi xoay quanh những kiến thức về đất nước Ai Cập cổ đại. Cử người dẫn chương trình cuộc thi.

+ Nhóm 4 và nhóm 5: cử thành viên tham gia.

+ Nhóm 6: ghi lại toàn bộ cuộc thi, chụp hình (nếu có công cụ), viết một bài để báo cáo về cuộc thi.

– Sản phẩm: học sinh tự tổ chức được Cuộc thi tìm hiểu về văn hoá Ai Cập cổ đại, cuộc thi tạo được tính hứng khởi, sôi nổi khi tham gia, các thành viên được phân nhiệm vụ cụ thể và hoàn thành các nhiệm vụ được giao dưới sự hướng dẫn của giáo viên, đảm bảo được chuẩn đầu ra: học sinh nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập cổ đại.

3.2. Phần Địa lí

3.2.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học

Xu hướng chủ đạo về phương pháp dạy học trong cuốn sách này là quy nạp. HS sẽ tham gia các hoạt động học tập, hoàn thành các nhiệm vụ học tập và tự khám phá

dưới sự định hướng, hỗ trợ của giáo viên để tự tiếp nhận được kiến thức, kĩ năng cần thiết. Từ việc tự nhận thức đó, HS sẽ tự phát biểu, trình bày, thể hiện các kiến thức, kĩ năng này theo cách hiểu của mình. Nghĩa là, HS sẽ học được kiến thức, kĩ năng thông qua việc thực hiện các hoạt động học tập, hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

Tập trung chú trọng một số phương pháp dạy học theo hướng:

- + Đảm bảo tính tích cực của người học khi tham gia vào hoạt động học tập
- + Chú trọng rèn luyện cho HS phương pháp tự học. Tạo điều kiện cho HS chủ động thể hiện khả năng tìm tòi, khám phá, phát huy tính tự giác, tự học.
- + Tăng cường cho học sinh những hoạt động thực hành, trải nghiệm, chú trọng đến mục tiêu HS biết làm gì từ những điều đã học. HS phải được tự tìm tòi, khám phá tri thức dựa vào khả năng của bản thân, sở thích và mối quan tâm riêng. HS phải làm chủ tri thức và vận dụng được vào thực tế.
- + Tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác.
- + Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, sử dụng hiệu quả các thiết bị dạy học như bảng số liệu thống kê, bản đồ, sơ đồ, phim video, các phiếu học tập, các phần mềm dạy học.

3.2.2. Một số phương pháp dạy học cơ bản

3.2.2.1. Dạy học trực quan

Dạy học trực quan là cách thức mà GV sử dụng những phương tiện trực quan làm công cụ hỗ trợ HS hình thành, phát triển năng lực và phẩm chất.

Phương tiện trực quan là tất cả những phương tiện được sử dụng trong quá trình dạy học giúp chuyển biến nội dung hình thành mục tiêu dạy học.

Phương tiện trực quan sử dụng trong dạy học phần Địa lí 6 gồm nhiều loại như: bản đồ, sơ đồ, bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh, mô hình, mẫu vật,... Trong dạy học Địa lí, GV sử dụng các phương tiện trực quan để tổ chức hoạt động học tập nhằm hình thành các biểu tượng cụ thể về sự vật, hiện tượng địa lí, hình thành khái niệm địa lí thông qua sự tri giác trực tiếp bằng các giác quan của người học. Nhờ vậy, học sinh có thể nhận diện các khái niệm, giải thích các sự vật, hiện tượng địa lí, các mối quan hệ nhân quả địa lí một cách chính xác và đầy đủ.

* **Lưu ý:** GV chú ý sử dụng như một nguồn tri thức cho học sinh khai thác (có thể kết hợp với các phương pháp như đàm thoại gợi mở hoặc đàm thoại nêu vấn đề); GV nên tận dụng hệ thống kênh hình trong sách, hướng dẫn HS khai thác để hình thành kiến thức mới từ đó phát triển năng lực cho HS; phương pháp này có thể được sử dụng với tất cả các bài trong phần Địa lí 6.

Ví dụ minh họa:**Bài 16. Thủy quyển. Vòng tuần hoàn nước. Nước ngầm và băng hà**

Khai thác hình 16.2. Nước trên Trái Đất (tranh), GV đặt câu hỏi: Quan sát hình 16.2 em hãy cho biết nước có ở đâu? GV có thể cho HS làm việc nhóm, hoặc cá nhân quan sát hình để trả lời câu hỏi trên. Có thể sử dụng các câu hỏi hỗ trợ (*Xác định các đối tượng có trong hình: sông, hồ, biển, nước ngầm, mây, băng, tuyết; trả lời câu hỏi chính Nước có ở đâu?*, từ đó có thể trả lời được câu hỏi đồng thời cũng là một yêu cầu cần đạt trong bài: *Các thành phần chủ yếu của thủy quyển*).

Cũng trong bài 16, hình 16.3. Vòng tuần hoàn nước (Sơ đồ), hình 16.4. Tỷ lệ các loại nước trên Trái Đất (Biểu đồ), GV có thể thiết kế hệ thống câu hỏi tương tự trên cơ sở câu hỏi trong SGK, hướng dẫn HS khai thác phương tiện trực quan trong bài, hình thành kiến thức mới. Đó cũng là một trong những cách thức hiệu quả hình thành và phát huy khả năng tự học cho HS.

Hệ thống kênh hình khác trong bài (bảng số liệu thống kê, bản đồ) cùng với hệ thống câu hỏi kèm theo tạo điều kiện tốt hỗ trợ cho GV hướng dẫn HS khai thác tri thức với hình thức dạy học cá nhân hoặc nhóm nhỏ.

3.2.2.2. Dạy học hợp tác

Sử dụng dạy học hợp tác trong dạy học không chỉ giúp phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác, tự học, tự chủ cho học sinh mà còn tạo cơ hội để hình thành và phát triển năng lực lịch sử cho học sinh.

Khi sử dụng dạy học hợp tác, GV cần lưu ý:

– Dạy học hợp tác nên dùng để tổ chức những nhiệm vụ học tập phức tạp, đòi hỏi phải huy động kiến thức, kinh nghiệm của nhiều HS hoặc là một vấn đề mà học sinh cần tranh luận, thảo luận. Nhiệm vụ học tập GV đưa ra cho học sinh phải đủ độ khó để học sinh suy nghĩ, hợp tác, thảo luận giải quyết nhiệm vụ. Nếu nhiệm vụ quá dễ sẽ làm cho hoạt động nhóm nhàm chán và chỉ mang tính hình thức.

– Trong dạy học hợp tác, khi giao nhiệm vụ cho học sinh, GV cần giải thích, hướng dẫn rõ ràng để đảm bảo các nhóm hiểu đúng nhiệm vụ cần thực hiện. Nhiệm vụ được giao phải phù hợp và cần huy động sự tham gia của cả nhóm, tạo sự tương tác giữa các thành viên.

– Cách đánh giá trong dạy học hợp tác phải cụ thể, rõ ràng, làm sao vừa ghi nhận được sự cố gắng của mỗi cá nhân trong nhóm, vừa thấy được sự đóng góp, ảnh hưởng mỗi thành viên trong kết quả chung của nhóm.

– Các mức độ của dạy học hợp tác:

+ Mức độ cộng tác: GV vẫn giữ quyền kiểm soát tiến trình dạy học và nội dung dạy học. Các nhóm học tập được tổ chức để hoàn thành những nhiệm vụ học tập mà GV đề ra, tìm kiếm câu trả lời cho những đáp án mà GV đã định trước.

+ Mức độ hợp tác: GV trao quyền chủ động cho học sinh, học sinh được tham gia và quyết định cách thức, tiến trình học tập. GV chỉ là người hỗ trợ, hướng dẫn khi cần thiết.

Ví dụ minh họa:

Bài 22. Dân số và sự phân bố dân cư

Các bước	Nội dung
Giai đoạn 1. Thiết kế kế hoạch bài học áp dụng dạy học hợp tác	
Từ mục tiêu bài học xác định nội dung cần tổ chức dạy học hợp tác	<p>Trong bài học này có các mục tiêu:</p> <p>1) Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới; 2) Trình bày được đặc điểm cơ bản của bức tranh phân bố dân cư thế giới; 3) Giải thích được những nguyên nhân chính tạo nên đặc điểm phân bố dân cư; 4) Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới.</p> <p>Mục tiêu thứ 3 được lựa chọn để tổ chức hoạt động học tập hợp tác vì lí do sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đây là một nội dung mở, HS có nhiều hiểu biết trước đó cho nên cần một hoạt động thảo luận nhóm nhằm huy động kiến thức của HS để giải quyết vấn đề.
Xác định phương pháp, KTDH	<ul style="list-style-type: none"> – GV có thể sử dụng phương pháp thảo luận và phương pháp đàm thoại gợi mở trong trường hợp này: + Các nhóm sẽ thảo luận có định hướng thông qua các câu hỏi do GV đặt ra <i>Vi sao dân cư thế giới phân bố không đồng đều?</i> Điều kiện tự nhiên đã tác động như thế nào đến bức tranh phân bố dân cư thế giới? Điều kiện kinh tế – xã hội đã tác động như thế nào đến bức tranh phân bố dân cư thế giới? <i>Ảnh hưởng của lịch sử di cư, định cư và các chiến lược phân bố dân cư của các quốc gia, vùng lãnh thổ?...</i> – Phương pháp đàm thoại gợi mở được sử dụng khi các nhóm trình bày kết quả thảo luận. – Kỹ thuật dạy học: GV có thể lựa chọn trong trường hợp này là kỹ thuật “<i>khăn trải bàn</i>”.
Thành lập nhóm và dự kiến tổ chức nhóm	<ul style="list-style-type: none"> – GV có thể chia nhóm một cách ngẫu nhiên gồm những HS ngồi cạnh nhau, mỗi nhóm khoảng 4 – 6 HS để phù hợp với kỹ thuật dạy học đã chọn. – Chọn một nhóm trưởng để các em có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cả nhóm sau khi thảo luận và phân công các nhiệm vụ cho các thành viên còn lại trong nhóm.

Thời gian	– Dự kiến thời gian thảo luận là 8 phút, trong đó 3 phút làm việc độc lập, 5 phút tổng hợp kết quả và tạo sản phẩm; thời gian trình bày là 7 phút.
Thiết kế đánh giá	– Đánh giá dựa vào sản phẩm, tức là kết quả thảo luận về cả nội dung và hình thức. + Nội dung: mức độ đầy đủ, chi tiết, thuyết phục về câu trả lời cho câu hỏi GV đặt ra. + Hình thức: sự sáng tạo, đa dạng, thẩm mỹ trong cách thể hiện sản phẩm.
Giai đoạn 2. Tổ chức dạy học hợp tác	
Nhập đề	– GV giới thiệu nội dung và đặt vấn đề cho hoạt động thảo luận dưới hình thức học tập hợp tác. Sau khi chứng minh về bức tranh phân bố dân cư không đồng đều trên thế giới, GV đặt ra câu hỏi: <i>Vì sao dân cư thế giới phân bố không đồng đều?</i> – GV tiến hành chia nhóm và hướng dẫn cách thức thảo luận theo kĩ thuật khăn trải bàn, phân công nhiệm vụ, ấn định thời gian và cách thức trình bày sản phẩm.
Hợp tác	HS thảo luận theo hướng dẫn và quy trình của kĩ thuật khăn trải bàn, GV quan sát, di chuyển trong lớp học để hỗ trợ các nhóm và những HS gặp khó khăn. Trong bước này, GV chú ý kiểm soát thời gian và tốc độ hoàn thành nhiệm vụ của các nhóm nhất là thời gian kết thúc làm việc cá nhân chuyển qua thảo luận và thời gian thảo luận để hoàn thành sản phẩm.
Trình bày kết quả	– GV chỉ nên mời một nhóm trình bày kết quả để làm cơ sở cho hoạt động thảo luận toàn lớp, các nhóm khác bổ sung những ý chưa được đề cập tới hoặc làm rõ thêm vấn đề được nêu ra (vì yếu tố thời gian). – GV hệ thống lại toàn bộ nội dung thảo luận dựa trên sản phẩm của nhóm trình bày. – Thu kết quả thảo luận của các nhóm để đánh giá sau giờ học.

3.2.2.3. Dạy học dự án

Dạy học dựa trên dự án là cách thức tổ chức dạy học, trong đó học sinh thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu, trình bày.

Ba đặc điểm quan trọng nhất của dạy học dự án cần phải đảm bảo khi thực hiện là: định hướng thực tiễn; định hướng vào người học và định hướng sản phẩm.

Dạy học dự án thường được tiến hành qua 3 giai đoạn: giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn thực hiện (đề xuất ý tưởng và chọn đề tài dự án, chia nhóm nhận nhiệm vụ, lập kế hoạch thực hiện); giai đoạn báo cáo dự án.

Dạy học dự án vận dụng tổng hợp các phương pháp dạy học để tổ chức, chính vì thế nó có khả năng phát triển toàn diện các phẩm chất và năng lực cho HS, cụ thể: phẩm chất trách nhiệm, trung thực, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tìm hiểu lịch sử và địa lí, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử, địa lí, năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng lịch sử, địa lí vào thực tiễn.

Dạy học dự án tốn rất nhiều thời gian, vì thế cần cân nhắc về số lượng các dự án học tập trong một năm học, kết hợp linh hoạt thời gian trên lớp và thời gian ngoài lớp, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và truyền thông trong tổ chức cho HS thực hiện,... là những giải pháp hữu hiệu để khắc phục hạn chế này.

Dạy học dự án đòi hỏi nhiều sự đầu tư về cơ sở vật chất, tuy nhiên ở những điều kiện dạy học tối thiểu vẫn hoàn toàn có thể áp dụng phương pháp này bằng việc lựa chọn hình thức HS thể hiện sản phẩm phù hợp với điều kiện kinh tế của nhà trường, lựa chọn những nội dung gắn với thực tế địa phương,...

Ví dụ minh họa:

Phần Địa lí có hai bài thực hành (21, 24) được viết theo hướng các dự án học tập với những yêu cầu và hướng dẫn đơn giản, cụ thể phù hợp với khả năng của HS lớp 6. Dưới đây là phần giới thiệu một số nét khái quát của bài 24.

Bài 24. Tác động của con người đến thiên nhiên

Các giai đoạn	Nội dung
Giai đoạn chuẩn bị	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lựa chọn chủ đề: xác định nội dung ở mục I, chọn một chủ đề phù hợp (vấn đề xử lí nước thải của một cơ sở sản xuất công nghiệp; tác động của khí thải nhà máy đến môi trường không khí; ảnh hưởng của phân bón, thuốc trừ sâu đến môi trường nước, đất, không khí,...; vấn đề thu gom và xử lí rác thải ở khu du lịch,...). 2. Xác định địa điểm, thời gian phù hợp với chủ đề, kế hoạch học tập và điều kiện thực tế ở địa phương (có thể chọn một khu du lịch, một nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp; cánh đồng; trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản,...) 3. Tư liệu, thiết bị <ul style="list-style-type: none"> – Sách giáo khoa, sách tham khảo, bài báo. – Các tài liệu từ Internet. – Dụng cụ thu gom và chứa mẫu vật. – Phương tiện ghi hình, thu âm,... 4. Phân công nhiệm vụ thành viên trong nhóm.

Giai đoạn thực hiện	<ul style="list-style-type: none">– Quan sát địa bàn tham quan.– Ghi chép đầy đủ thông tin.– Chụp hình hoặc ghi chú những thông tin quan trọng.– Ghi nhớ lộ trình tham quan. <p><i>Lưu ý:</i> Học sinh cần phải thông tin và phản hồi với giáo viên trong quá trình tham quan.</p>
Giai đoạn báo cáo sản phẩm	<ol style="list-style-type: none">1. Sắp xếp thông tin thu thập được theo chủ đề.2. Kiểm tra thông tin thu thập được với các nguồn tài liệu khác.3. Trình bày sản phẩm:<ul style="list-style-type: none">– Cá nhân: Trình bày các bước thực hiện một chuyến tham quan (bài viết ngắn gọn, có thể với nhiều cách thể hiện khác nhau: Liệt kê bằng các gạch đầu dòng, vẽ sơ đồ, vẽ tranh...).– Nhóm: Viết báo cáo, vẽ lược đồ trí nhớ, sưu tập mẫu vật phù hợp với chủ đề đã chọn. Trình bày báo cáo trước lớp.4. Rút kinh nghiệm từ các nhóm khác và ý kiến của giáo viên.